

Số : 15

Ngày 24/4/2017

Bản tin hàng tuần
Ra ngày thứ hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

1. Phạt tiền từ 70 triệu đến 100 triệu đồng đối với hành vi môi giới, đưa tàu cá, ngư dân Việt Nam đi khai thác trái phép.

2. Điều kiện mới về cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng, giám sát thi công và kiểm định xây dựng.

3. Trên nhãn hàng hóa bắt buộc phải thể hiện tên hàng hóa; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách

nhiệm; xuất xứ và các nội dung khác ở vị trí dễ thấy, dễ đọc.

4. Sẽ nâng mức trợ cấp xã hội hàng tháng vào giai đoạn 2021-2025.

5. Giá bán điện mặt trời tại Việt Nam là 2,086 đồng/kwh.

6. Tăng cường sử dụng vật tư, hàng hóa trong nước trong công tác đấu thầu các hoạt động mua sắm thường xuyên.

7. Phải xác định giá trị từng loại tài sản trong tòa nhà hỗn hợp.

CÓ THỂ BẠN CHƯA BIẾT

Dự thảo Thông tư quy định công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành thông tin và truyền thông.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Quy định về xử lý hành vi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân không thi hành quyết định của Tòa án về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án?

2. Việc xác định chứng cứ trong tố tụng hành chính được quy định như thế nào?

3. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức nước ngoài trong tố tụng hành chính được quy định như thế nào?

4. Trách nhiệm của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hành chính?

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. PHẠT TIỀN TỪ 70 TRIỆU ĐẾN 100 TRIỆU ĐỒNG ĐỐI VỚI HÀNH VI MÔI GIỚI, ĐƯA TÀU CÁ, NGƯ DÂN VIỆT NAM ĐI KHAI THÁC TRÁI PHÉP

Nội dung này được Chính phủ quy định Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 5/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

Theo đó, đối với hành vi vi phạm về bảo vệ các loài thủy sản, mức phạt tiền cụ thể: Phạt tiền từ 3 triệu đồng đến 50 triệu đồng đối với hành vi sử dụng công cụ kích điện hoặc sử dụng trực tiếp điện từ máy phát điện trên tàu cá hoặc phương tiện nổi khác để khai thác thủy sản. Phạt tiền từ 3 triệu đồng đến 6 triệu đồng đối với hành vi sử dụng các loại ngư cụ hoặc thiết bị khai thác thủy sản du nhập từ nước ngoài vào Việt Nam để khai thác thủy sản mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Phạt tiền từ 3 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với hành vi điều khiển tàu cá và phương tiện khác gây hại đến công trình cảng cá, khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu cá.

Đối với hành vi vi phạm về phòng, chữa bệnh, chống dịch bệnh cho động vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y, quản lý thuốc thú y... mức phạt tiền cụ thể

như sau: phạt từ 2 triệu đồng đến 3 triệu đồng đối với chủ vật nuôi không chấp hành việc tiêm phòng vắc xin Đại cho chó nuôi; vứt động vật mắc bệnh, chết và sản phẩm của chúng, xả nước thải, chất thải mang mầm bệnh ra môi trường. Phạt từ 7 triệu đồng đến 10 triệu đồng đối với chủ cơ sở nuôi có các hành vi: sử dụng nguyên liệu thuốc thú y, thuốc y tế để phòng, chữa bệnh cho động vật thủy sản; kinh doanh động vật thủy sản giống mắc bệnh. Phạt từ 20 triệu đồng đến 30 triệu đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, tồn dư các chất độc hại, nhiễm vi sinh vật vượt quá mức giới hạn cho phép, chưa làm sạch lông, da, móng và các tạp chất khác để bảo đảm yêu cầu về cảm quan.

Đối với hành vi phạm về vận chuyển, kinh doanh, thu gom, lưu giữ, kiểm soát giết mổ động vật trên cạn, sơ chế động vật, sản phẩm động vật để kinh doanh, mức xử phạt tiền cụ thể như sau: phạt từ 20- 30 triệu đồng đối với hành vi đưa nước hoặc các loại chất khác vào động vật trước khi giết mổ và vào sản phẩm động vật làm mất vệ sinh thú y; vận chuyển, lưu giữ, giết mổ động vật để làm thực phẩm mà động vật đó bị sử dụng thuốc an thần không theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý thú y có thẩm quyền. Phạt tiền triệu đồng

đến triệu đồng đối với hành vi vận chuyển, kinh doanh, thu gom, lưu giữ, giết mổ động vật, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật có chứa chất cấm sử dụng trong chăn nuôi...

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017 thay thế Nghị định số 40/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015.

2. ĐIỀU KIỆN MỚI VỀ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THIẾT KẾ QUY HOẠCH XÂY DỰNG, GIÁM SÁT THI CÔNG VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 5/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng quy định: để được xét cấp chứng chỉ hành nghề quy hoạch xây dựng, cá nhân phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch hoặc các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của đồ án quy hoạch và đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng sau:

Hạng I đã làm chủ trì thiết kế hoặc chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 5 đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ hoặc 10 đồ án quy hoạch (trong đó ít nhất 5 đồ án là quy hoạch vùng hoặc quy hoạch chung) thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; các đồ án này đều đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hạng II đã làm chủ trì thiết kế hoặc chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất

6 đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc 12 đồ án quy hoạch (trong đó, ít nhất có 3 đồ án quy hoạch chung xây dựng xã) thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đồ án này đều đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hạng III đã tham gia thiết kế hoặc tham gia thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ hoặc 3 đồ án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc 5 đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đồ án này đều đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều kiện để được xét cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng tương ứng với các hạng như sau: Hạng 1 đã làm giám sát trưởng hoặc đã trực tiếp giám sát thi công phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình cấp I hoặc 02 công trình cấp II cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Hạng II đã làm giám sát trưởng hoặc đã trực tiếp giám sát thi công phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Hạng III đã trực tiếp giám sát thi công phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình cấp III hoặc 02 công trình cấp IV cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

Điều kiện để được xét cấp chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng tương ứng với các hạng như sau: Hạng I đã làm chủ trì kiểm định hoặc chủ trì thiết kế ít nhất 01 công trình cấp 1 hoặc 02 công trình cấp II cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Hạng II đã làm chủ trì kiểm định hoặc chủ trì thiết kế ít nhất 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Hạng III đã tham gia kiểm định hoặc tham gia thiết kế ít nhất 02 công trình cấp III hoặc 03 công trình cấp IV cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2017.

3. TRÊN NHÃN HÀNG HÓA BẮT BUỘC PHẢI THỂ HIỆN TÊN HÀNG HÓA; TÊN VÀ ĐỊA CHỈ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM; XUẤT XỨ VÀ CÁC NỘI DUNG KHÁC Ở VỊ TRÍ DỄ THẤY, DỄ ĐỌC

Nghị định số 43/2017/NĐ-CP, ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa quy định: Nhãn hàng hóa là bản viết, bản in, bản vẽ, bản chụp của chữ, hình vẽ, hình ảnh được dán, in, đính, đục, chạm, khắc trực tiếp trên hàng hóa, bao bì thương phẩm của hàng hóa hoặc trên các chất liệu khác được gắn trên hàng hóa, bao bì thương phẩm của hàng hóa. Việc ghi nhãn hàng hóa là thể hiện nội dung cơ bản, cần thiết về hàng hóa lên nhãn hàng hóa để người tiêu dùng nhận biết, làm căn cứ lựa chọn, tiêu

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

thụ và sử dụng; để nhà sản xuất, kinh doanh, thông tin, quảng bá cho hàng hóa của mình và để các cơ quan chức năng thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát.

Trên nhãn hàng hóa bắt buộc phải thể hiện tên hàng hóa; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm; xuất xứ và các nội dung khác theo tính chất hàng hóa. Tên hàng hóa phải ở vị trí dễ thấy, dễ đọc trên nhãn hàng hóa; chữ viết tên hàng hóa phải là chữ có kích thước lớn nhất so với các nội dung bắt buộc khác trên nhãn hàng hóa; tên hàng hóa không được hiểu sai lệch về bản chất, công dụng và thành phần của hàng hóa. Trường hợp tên của thành phần được sử dụng làm tên hay một phần của tên hàng hóa thì thành phần đó bắt buộc phải ghi định lượng....

Nhãn hàng hóa phải được thể hiện trên hàng hóa, bao bì thương phẩm của hàng hóa ở vị trí quan sát có thể nhận biết dễ dàng, đầy đủ nội dung quy định của nhãn mà không phải tháo rời các chi tiết, các phần của hàng hóa. Hàng hóa được sản xuất và lưu thông trong nước, ngoài việc thực hiện các quy định bắt buộc nêu trên có thể được ghi thêm nội dung bằng ngôn ngữ khác. Nội dung ghi bằng ngôn ngữ khác phải tương ứng nội dung tiếng Việt. Kích thước chữ được in bằng ngôn ngữ khác không lớn hơn kích thước chữ của nội dung ghi bằng tiếng Việt. Hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam mà trên nhãn chưa thể hiện hoặc thể hiện chưa đủ những nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt thì phải có

nhân phụ thể hiện những nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt và phải tương ứng với nội dung ghi trên nhãn gốc (nhân phụ phải được gắn trên hàng hóa hoặc bao bì thương phẩm của hàng hóa và không được che khuất các nội dung bắt buộc của nhãn gốc).

Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm ghi nhãn hàng hóa kể cả nhãn phụ phải bảo đảm ghi nhãn trung thực, rõ ràng, chính xác, phản ánh đúng bản chất của hàng hóa. Trường hợp tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm ghi nhãn hàng hóa yêu cầu tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc ghi nhãn thì tổ chức, cá nhân đó vẫn phải chịu trách nhiệm về nhãn hàng hóa của mình.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2017.

4. SẼ NÂNG MỨC TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG VÀO GIAI ĐOẠN 2021-2025

Nhằm tạo điều kiện để người dân nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh, không ngừng cải thiện, nâng cao tinh thần, vật chất, bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững, ngày 14/4/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 488/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030”.

Theo đó, giai đoạn 2017-2020, phần đầu 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; mở rộng người cao tuổi có hoàn cảnh

khó khăn, không có lương hưu và trợ cấp của Nhà nước sống ở vùng núi, vùng hải đảo, vùng dân tộc thiểu số được hưởng trợ cấp xã hội. 50% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 10% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

Giai đoạn 2021-2025, phần đầu 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; nâng cao mức trợ cấp xã hội hàng tháng; có chính sách trợ giúp đối với trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn sống ở vùng núi, vùng hải đảo, vùng dân tộc thiểu số; tiếp tục mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội được hưởng trợ cấp xã hội. 70% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 30% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

Đến năm 2030, phần đầu 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội của Nhà nước, trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn được hưởng trợ cấp xã hội; mức trợ cấp xã hội điều chỉnh phù hợp với khả năng ngân sách và xu hướng quốc tế. 90% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu

50% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng mô hình thí điểm cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện; xây dựng thí điểm “Quỹ trợ giúp khẩn cấp”, đánh giá, tổng kết và nhân rộng mô hình; hướng dẫn, tổ chức, triển khai và điều phối thực hiện các hoạt động của đề án và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ; huy động sự hỗ trợ, hợp tác về tài chính và kinh nghiệm của quốc tế trong việc triển khai thực hiện Đề án.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/4/2017.

5. GIÁ BÁN ĐIỆN MẶT TRỜI TẠI VIỆT NAM LÀ 2,086 ĐỒNG/KWH

Ngày 11/4/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam.

Theo đó, đối với dự án nổi lưới, bên mua điện là Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc đơn vị thành viên được ủy quyền có trách nhiệm mua toàn bộ sản lượng điện từ các dự án nổi lưới với giá mua điện tại điểm giao nhận điện là 2.086 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, đương đương 9,35 Uscents/kWh). Giá bán điện này được điều chỉnh theo

biến động của tỷ giá đồng/USD và chỉ áp dụng cho các dự án nổi lưới có hiệu suất của tế bào quang điện (Solar cell) lớn hơn 16% hoặc module lớn hơn 15%.

Đối với các dự án trên mái nhà, thực hiện cơ chế bù trừ điện năng sử dụng hệ thống công tơ hai chiều. Trong một chu kỳ thanh toán, lượng điện phát ra từ các dự án trên mái nhà lớn hơn lượng điện tiêu thụ sẽ được chuyển sang chu kỳ thanh toán kế tiếp. Khi kết thúc năm hoặc khi kết thúc hợp đồng mua điện, lượng điện phát dư sẽ được bán cho bên mua điện với giá theo quy định.

Chi phí mua điện từ các dự án điện mặt trời được tính toán và đưa đầy đủ trong thông số đầu vào của phương án giá bán điện hàng năm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Bộ Công Thương là cơ quan theo dõi, đề xuất điều chỉnh mức giá mua điện theo quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định nếu cần thiết.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2017 đến hết ngày 30/6/2019.

6. TĂNG CƯỜNG SỬ DỤNG VẬT TƯ, HÀNG HÓA TRONG NƯỚC TRONG CÔNG TÁC ĐẦU THẦU CÁC HOẠT ĐỘNG MUA SẮM THƯỜNG XUYÊN

Ngày 04/4/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 13/CT-TTg về việc tăng cường sử dụng vật tư, hàng hóa trong nước trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư phát

triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước.

Theo đó, việc phân chia các gói thầu thuộc dự án, đề án, chương trình (sau đây gọi chung là dự án), dự toán đối với mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước phải tuân thủ nguyên tắc phân chia gói thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu, phù hợp với điều kiện năng lực của nhà thầu trong nước, bảo đảm các điều kiện cạnh tranh tối đa cho các doanh nghiệp trong nước, góp phần tạo việc làm cho lao động trong nước.

Nghiêm cấm việc phân chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định của pháp luật về đấu thầu hiện hành nhằm mục đích hạn chế sự tham gia của các nhà thầu trong nước. Trường hợp phát hiện việc phân chia gói thầu không đúng với quy định của pháp luật về đấu thầu thì tổ chức, cá nhân vi phạm (chủ đầu tư, bên mời thầu, tư vấn lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, đơn vị hoặc tổ chức tư vấn thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu) sẽ bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định; đề xuất xử lý nặng hơn đối với các trường hợp vi phạm nghiêm trọng.

Về tổ chức đấu thầu trong nước, khi lập và phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không được đưa ra yêu cầu hoặc định hướng đối với việc nhà thầu tham dự thầu phải chào hàng hóa nhập khẩu khi hàng hóa trong nước đã sản xuất hoặc lắp ráp được đáp ứng yêu cầu chất lượng, số lượng, giá cả. Nghiêm cấm việc nêu xuất xứ, nhãn hiệu, catalô của một số sản phẩm cụ

thể để tham khảo, minh họa trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu khi có thể mô tả được chi tiết hàng hóa theo đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ của hàng hóa đó.

Về tổ chức đấu thầu quốc tế, chỉ tổ chức đấu thầu quốc tế khi hàng hóa, vật tư, thiết bị, máy móc, phương tiện trong nước không sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng không đáp ứng yêu cầu về chất lượng, số lượng, giá cả hoặc theo yêu cầu của nhà tài trợ đối với những gói thầu thuộc các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ (vốn ODA). Trường hợp hàng hóa thông dụng, đã được nhập khẩu và chào bán tại Việt Nam thì không được tổ chức đấu thầu quốc tế. Nghiêm cấm các chủ đầu tư, bên mời thầu khi lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu có quy định cho phép sử dụng lao động nước ngoài khi lao động trong nước đủ khả năng đáp ứng được yêu cầu thực hiện gói thầu, đặc biệt là lao động phổ thông. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư, bên mời thầu cho phép sử dụng lao động nước ngoài khi lao động trong nước đủ khả năng đáp ứng được yêu cầu sẽ bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định hoặc đề xuất xử lý nặng hơn đối với các trường hợp vi phạm nghiêm trọng.

Các cơ quan thông tấn, báo chí tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức các chủ đầu tư, bên mời thầu thực hiện nghiêm túc việc sử dụng máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản

xuất được trong công tác đấu thầu; các doanh nghiệp nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm trong việc nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ; thực hiện các cam kết bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và xây dựng được thương hiệu quốc gia cho nhiều sản phẩm, hàng hóa Việt Nam. Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu, thuốc và vật tư y tế trong nước sản xuất được phải được cập nhật thường xuyên trên trang thông tin điện tử của cơ quan

nhà nước có thẩm quyền ban hành danh mục. Danh mục tổng hợp phải được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ, cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ <http://muasamcong.mpi.gov.vn> và Trang thông tin điện tử của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

VĂN BẢN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

7. PHẢI XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TỪNG LOẠI TÀI SẢN TRONG TÒA NHÀ HỖN HỢP

Các tài sản là nhà hỗn hợp vừa dùng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, vừa dùng để bán hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật thì doanh nghiệp phải xác định và hạch toán riêng phần giá trị của nhà hỗn hợp theo từng mục đích sử dụng.

Đây là nội dung được Bộ Tài chính quy định tại Thông tư 28/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Theo đó, đối với phần giá trị tài sản (diện tích) tòa nhà hỗn hợp dùng

để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và dùng để cho thuê (trừ trường hợp cho thuê tài chính) thì doanh nghiệp thực hiện ghi nhận giá trị của phần tài sản (diện tích) là tài sản cố định, quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định theo quy định. Đối với phần giá trị tài sản (diện tích) trong tòa nhà hỗn hợp dùng để bán thì doanh nghiệp không được hạch toán là tài sản cố định và không được trích khấu hao và theo dõi như một tài sản để bán.

Tiêu thức để xác định giá trị từng loại tài sản và phân bổ khấu hao tài sản đối với từng mục đích sử dụng được căn cứ vào tỷ trọng giá trị của từng phần diện tích theo từng mục đích sử dụng trên giá trị quyết toán công trình; hoặc căn cứ vào diện tích thực tế sử dụng theo từng mục đích sử dụng để hạch toán.

Đối với các doanh nghiệp có nhà hỗn hợp mà không xác định tách riêng được phần giá trị tài sản (diện tích) phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, vừa để bán, để cho thuê thì doanh nghiệp không hạch toán toàn bộ phần giá trị tài sản (diện tích) này là tài sản cố định và không được trích khấu hao theo quy định. Đối với các tài sản được dùng chung liên quan đến công

trình nhà hỗn hợp như sân chơi, đường đi, nhà để xe việc xác định giá trị của từng loại tài sản và giá trị khấu hao các tài sản dùng chung cũng được phân bổ theo tiêu thức để xác định giá trị từng loại tài sản và phân bổ khấu hao nhà hỗn hợp.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/5/2017 và áp dụng từ năm tài chính 2016.

DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH CÔNG TÁC BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC TRONG NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Bộ Thông tin và Truyền thông đang tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dự thảo Thông tư quy định công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành thông tin và truyền thông.

Theo đó, mọi nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong ngành thông tin và truyền thông chuyển nhận bằng các phương tiện thông tin vô tuyến, điện báo, fax đều phải mã hóa theo quy định của Luật cơ yếu. Không trao đổi nội dung tài liệu mật qua micro vô tuyến, máy bộ đàm, điện thoại di động, điện thoại cố định, điện thoại kéo dài, máy fax. Cơ quan, đơn vị và cá nhân chỉ được cung cấp thông tin liên quan đến bí mật nhà nước theo nội dung đã được duyệt. Bên nhận thông tin liên quan đến bí mật nhà nước không được làm lộ thông tin và không được cung cấp thông tin đã nhận cho bên khác. Nội dung thông tin cung cấp phải ghi biên

bản và báo cáo lại với cá nhân có thẩm quyền duyệt cung cấp thông tin. Biên bản và tài liệu mật sau khi cung cấp thông tin phải nộp lại bộ phận bảo mật của cơ quan, đơn vị.

Cá nhân làm công tác liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước phải có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, ý thức cảnh giác bảo vệ bí mật nhà nước; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao và phải cam kết bảo vệ bí mật nhà nước bằng văn bản; văn bản cam kết nộp cho bộ phận bảo mật của cơ quan, tổ chức lưu giữ.

Những người được giao nhiệm vụ tiếp xúc với bí mật nhà nước dưới mọi hình thức phải thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ bí mật nhà nước; cá nhân xử lý tài liệu, vật mang bí mật nhà nước được giao nhiệm vụ tiếp nhận, xử lý, lưu trữ, quản lý tài

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

liệu mật, quản lý các dấu mật và đóng dấu độ mật, dấu thu hồi vào văn bản theo sự chỉ đạo của người có thẩm quyền.

Khi soạn thảo văn bản có nội dung bí mật nhà nước, căn cứ nội dung văn bản cá nhân soạn thảo phải đề xuất với thủ trưởng trực tiếp về mức độ mật theo đúng danh mục; người duyệt, ký văn bản chịu trách nhiệm việc xác định mức độ mật, số lượng bản phát hành, phạm vi lưu hành. Đối với vật mang bí mật nhà nước phải được niêm phong, dán nhãn cảnh báo ngoài bì, có văn bản ghi rõ tên của vật mang bí mật nhà nước kèm theo và đóng dấu mức độ mật vào văn bản này.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm bảo mật quá trình soạn thảo, in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước của cơ quan, đơn vị.

Việc sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước phải được đồng ý bằng văn bản của thủ trưởng cơ quan, đơn vị và ghi rõ số lượng tài liệu được thực hiện. Việc soạn thảo, in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước phải tiến hành trong cơ quan, đơn vị tại nơi an toàn do thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài liệu mật quy định, không mang ra ngoài cơ quan, đơn vị. Không sử dụng máy vi tính đã kết nối mạng Internet để soạn thảo, in và lưu các tài liệu mật. Khi có yêu cầu, phải soạn thảo trên hệ thống thiết bị đã qua kiểm tra và đủ điều kiện về an toàn, bảo mật. Tuyệt đối không đánh máy hoặc in quá số lượng quy định. Sau khi sao, chụp xong phải kiểm tra và hủy các bản thảo nếu có.

Dự kiến Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2017.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: *Quy định về xử lý hành vi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân không thi hành quyết định của Tòa án về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án?*

***Trả lời:** Điều 325 Luật tổ tụng hành chính số 93/2015/QH13 ngày 25/11/2015 quy định vấn đề này như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không thi hành quyết định của Tòa án về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đó đang quản lý, lưu giữ thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

2. Cá nhân, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này tùy theo mức độ vi phạm mà có thể bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Hỏi: *Việc xác định chứng cứ trong tố tụng hành chính được quy định như thế nào?*

***Trả lời:** Điều 82 Luật tổ tụng hành chính số 93/2015/QH13 ngày

Số 15 ngày 24/4/2017 trang 10/12

25/11/2015 quy định việc xác định chứng cứ trong tố tụng hành chính như sau:

1. Tài liệu đọc được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

2. Tài liệu nghe được, nhìn được được coi là chứng cứ nếu được xuất trình kèm theo văn bản của người có tài liệu đó về xuất xứ của tài liệu nếu họ tự thu âm, thu hình hoặc văn bản xác nhận của người đã cung cấp cho người xuất trình về xuất xứ của tài liệu đó hoặc văn bản về sự việc liên quan đến việc thu âm, thu hình đó.

3. Thông điệp dữ liệu điện tử được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

4. Vật chứng là chứng cứ phải là hiện vật gốc liên quan đến vụ việc.

5. Lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng được coi là chứng cứ nếu được ghi bằng văn bản, băng ghi âm, đĩa ghi âm, băng ghi hình, đĩa ghi hình, thiết bị khác lưu trữ âm thanh, hình ảnh theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc khai bằng lời tại phiên tòa.

6. Kết luận giám định được coi là chứng cứ nếu việc giám định đó được tiến hành theo thủ tục do pháp luật quy định.

7. Biên bản ghi kết quả thẩm định tại chỗ được coi là chứng cứ nếu việc thẩm định được tiến hành theo thủ tục do pháp luật quy định.

8. Kết quả định giá, thẩm định giá tài sản được coi là chứng cứ nếu việc định giá; thẩm định giá được tiến hành theo thủ tục do pháp luật quy định.

9. Văn bản xác nhận sự kiện, hành vi pháp lý do người có chức năng lập tại chỗ được coi là chứng cứ nếu việc lập văn bản xác nhận sự kiện, hành vi pháp lý được tiến hành theo thủ tục do pháp luật quy định.

10. Các nguồn khác theo quy định của pháp luật được xác định là chứng cứ.

3. Hỏi: *Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức nước ngoài trong tố tụng hành chính được quy định như thế nào?*

***Trả lời:** Điều 299 Luật tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 ngày 25/11/2015 quy định quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức nước ngoài trong tố tụng hành chính như sau:

1. Người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam có quyền khởi kiện đến Tòa án Việt Nam để yêu cầu xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật và xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

2. Khi tham gia tố tụng hành chính, cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài, chi

nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam có quyền, nghĩa vụ tố tụng như công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam.

3. Nhà nước Việt Nam có thể áp dụng nguyên tắc có đi có lại để hạn chế quyền tố tụng hành chính tương ứng của người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan, tổ chức nước ngoài, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam mà Tòa án của nước đó đã hạn chế quyền tố tụng hành chính đối với công dân Việt Nam, cơ quan, tổ chức Việt Nam, chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan, tổ chức Việt Nam tại nước ngoài.

4. Hỏi: *Trách nhiệm của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hành chính?*

***Trả lời:** Điều 342 Luật tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 ngày 25/11/2015 quy định vấn đề này như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết kịp thời, đúng pháp luật; xử lý nghiêm minh người vi phạm; áp dụng biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra; bảo đảm cho quyết định giải quyết được thi hành nghiêm chỉnh và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

2. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo mà không giải quyết, thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết, giải quyết trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý pháp luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật./.